

Bản án số: 47/2021/HS-ST
Ngày 23-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy – Giáo viên nghỉ hưu xã Nam S

Ông Đỗ Văn Thư – Cán bộ hưu trí xã Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Thị Mỹ L sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung K và bà Lê Thị U; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11 tháng 01 năm 2021; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Thị Mỹ L: Ông Phạm Trung K sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, là bố đẻ của bị cáo; vắng mặt.

- Người bào chữa của bị cáo: Bà Dương Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Phú Niệm, xã Thái S, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Đặng Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Tinh Thủy, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Mai Thùy T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Thái Hưng, xã Đ Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Thái Hưng, xã Đ Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 3, xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Ngô Thị C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Phủ Niệm, xã Thái S, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Cụm 3, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Lộng Khê, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Đội 9, thôn Phong Nội, xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:* Ông Nguyễn Văn Đông – Chức vụ: Phó Bí thư Đoàn xã Trường, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Mỹ L làm công nhân Công ty TNHH LG Electronics tại khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng từ tháng 11/2019 đến tháng 8/2020 thì nghỉ việc. Do không có tiền ăn tiêu, L nảy sinh ý định đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. **L tự lập ra một tài khoản Facebook lấy tên là “Susu”**. L biết Công ty LG Electronics có phòng chờ để tuyển nhân sự, tại đây có nhiều người đến nộp hồ sơ xin vào làm việc nên L nảy sinh ý định đến phòng chờ của Công ty TNHH LG Electronics gặp người đến xin việc bắt chuyện để thực hiện hành vi lừa đảo.

Khoảng 08 giờ ngày 30/10/2020 L đến phòng chờ của Công ty TNHH LG Elictronic thì thấy chị Hoàng Thị L và chị Đặng Thị D đang ngồi tại phòng chờ để nộp hồ sơ xin việc. L đến bắt chuyện làm quen, biết hai chị có nhu cầu xin việc làm nên L đã giới thiệu bản thân mình làm công nhân của Công ty Hoysung có trụ sở ở Thái Nguyên có quen biết với người làm việc trong bộ phận nhân sự của Công ty Hoysung - là nhà cung cấp của Công ty TNHH LG Elictronic, có khả năng xin được việc làm. Sau khi trao đổi thì L bảo chị L liên hệ với người tuyển dụng của Công ty Hoysung qua một tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên “Susu” (tài khoản này do L đã khởi tạo từ trước) để liên hệ xin việc. L dùng tài khoản Facebook này nhắn tin vào tài khoản facebook “Hoàng L” (là tài khoản của chị L đang sử dụng) trao đổi về nội D công việc. Chị L nhắn tin muốn xin việc tại Công

ty LG Elictronic thì L bảo chuẩn bị hồ sơ và nộp tiền ăn là 1.800.000đồng, nhưng L bảo chị L cứ chuẩn bị 2.000.000 đồng và đem hồ sơ xin việc đến đưa trực tiếp cho L tại Công ty LG Elictronic để chuyển hộ thì chị L đồng ý. Buổi trưa cùng ngày chị L và chị D đến Công ty LG Elictronic đưa cho L hai bộ hồ sơ xin việc của mình cùng hai phong bì (mỗi phong bì có số tiền 2.000.000đồng) để trong hồ sơ. Nhận hai hồ sơ xong L nói với chị L và chị D là ngày hôm sau sẽ được đi làm. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, L tiếp tục dùng tài khoản Facebook “Susu” nhắn tin cho cho chị L với nội D: 08 giờ ngày 31/10/2020 đến phòng chờ của Công ty LG Elictronic để đợi vào làm việc.

Khoảng 08 giờ ngày 31/10/2020 chị L và D đến Công ty LG Elictronic thì gặp L tại phòng chờ. L nói Công ty Hoysung có chương trình tổ chức cho công nhân đi du lịch với kinh phí là 1.000.000 đồng một người, thì chị D đồng ý đi du lịch và đưa cho L 1.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày L tiếp tục nhắn tin cho chị L với nội D: Công ty Hoysung vẫn cần tuyển thêm lao động. Chị L nhắn lại cho L nói còn quen nhiều người muốn xin việc làm, còn việc đi du lịch sẽ báo lại sau. Khoảng 08 giờ ngày 02/11/2020 L đến phòng chờ của Công ty LG Elictronic thì gặp và nhận hồ sơ xin việc và một phong bì bên trong có 2.000.000đồng của chị Ngô Thị C; nhận hồ sơ và phong bì bên trong có 3.000.000 đồng (gồm cả tiền đi du lịch) của anh Hoàng Văn S, sau đó L cùng chị L, anh S đi ăn tại quán nướng ở thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Khoảng 12 giờ cùng ngày anh Nguyễn Quốc Đ được chị L giới thiệu xin việc cũng đến gặp và đưa cho L số tiền 2.000.000 đồng và sau đó chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank số 101872266425 mang tên chủ tài khoản Nguyễn Phương H số tiền 1.000.000 đồng để đóng tiền đi du lịch, còn hồ sơ xin việc anh Đ hẹn chuyển cho L sau; Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì chị Nguyễn Thị X và chị Mai Thùy T đến gặp L đưa hai bộ hồ sơ xin việc trong mỗi hồ sơ có một phong bì để 2.000.000đồng. Sáng ngày 03/11/2020 chị X và chị T mỗi người chuyển 1.000.000đồng vào tài khoản Ngân hàng Agribank số 101872266425 mang tên chủ tài khoản Nguyễn Phương H để đóng tiền đi du lịch. Sau đó L tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook “Susu” nhắn tin vào tài khoản Facebook “Hoàng L” của chị L nói Công ty Ohysung vẫn cần tuyển thêm công nhân.

Đến sáng ngày 04/11/2020 L tiếp tục nhận một bộ hồ sơ xin việc cùng 2.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H; đến 11 giờ 30 phút cùng ngày L nhận hồ sơ xin việc và 2.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Q (Những người nộp hồ sơ và tiền cho L là do chị L nói chuyện với họ khi họ đến Công ty LG Electronics xin việc). L hẹn mọi người khi nào có việc sẽ báo đi làm. Sau đó đến ngày 06/11/2020 L giữ lại hồ sơ xin việc của anh H, anh Đ và chị Q còn các hồ sơ xin việc của người khác đem đi vứt. Tổng số tiền L chiếm đoạt của chị L, chị D chị C, chị T, chị Q, chị X, anh Đ, anh H và anh S là 23.000.000 đồng. Do thấy L không xin được việc nên mọi người làm đơn tố cáo L với cơ quan công an.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS-AD ngày 24 tháng 4 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Phạm Thị Mỹ L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Mỹ L đã khai nhận: Do không có tiền chơi game và chi tiêu nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của những người lao động có nhu cầu xin việc làm tại Công ty Hoysung có trụ sở tại Thái Nguyên. Thực tế bị cáo không có khả năng xin được việc làm cho ai nên bị cáo đã tự lập ra một tài khoản Facebook lấy tên “Susu” để liên hệ trao đổi nội D xin việc làm cho các bị hại và dùng chứng minh nhân của chị H mở tài khoản tại Ngân hàng Agribank để nhận tiền chuyển khoản của các bị hại. Bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại tổng số tiền là 23.000.000 đồng như nội D cáo trạng đã truy tố và đến thời điểm hiện tại bị cáo vẫn chưa bồi thường được cho các bị hại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu quan điểm: Phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Mỹ L từ 09 đến 12 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền 23.000.000 đồng. Nếu bị cáo không đủ tài sản thì ông Phạm Trung K phải bồi thường thay bị cáo phần còn tH.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ ba bộ hồ sơ xin việc của anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc Đ, chị Nguyễn Thị Q; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước một điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám trắng, imei: 352062064388147, trong có lắp 101 thẻ sim nhà mạng Viettel số điện thoại 0386.232.097 trên thẻ sim có dòng số 8984048000076593797; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 trắng xám, imei :353322075607292 nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo: Nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo về tội danh, trách nhiệm dân sự và một số điều luật áp dụng. Tuy nhiên, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo có hoàn cảnh éo le, mẹ mất từ khi còn nhỏ, bố không quan tâm chăm sóc bị cáo nên bị cáo phải nghỉ học sớm, tự lao động để T trải cuộc sống của bản thân. Bị cáo tH vắng sự chăm sóc của người mẹ, không nhận được sự quan tâm chăm sóc của bố lại nghỉ học sớm, không được giáo dục đầy đủ từ gia đình và nhà trường nên nhận thức còn hạn chế. Bị cáo dùng một phương thức để chiếm đoạt tài sản của một nhóm người liên tục trong thời gian ngắn nên không phân biệt rõ ràng từng lần phạm tội khác nhau nên không đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng với bị cáo là quá nghiêm khắc; Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Iphone 6 màu xám trắng vì điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa và đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa.

Đại diện Đoàn xã Trường Thọ: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên không đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa. Vì, từ ngày 30/10/2020 đến ngày 04/11/2020 bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại mỗi lần chiếm đoạt đều từ 2.000.000 đồng trở lên, tuy bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt trong thời gian ngắn nhưng mỗi lần chiếm đoạt đều khác biệt về thời gian mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở nên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy bị cáo phạm tội lần đầu nhưng bị cáo lại phạm tội hai lần trở lên, vì vậy bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo đã xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng như các điều luật áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo: Tại phiên tòa bị hại đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị cáo vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, bị hại đã có lời khai và họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Phạm Trung K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 3 Điều 423 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người đại diện hợp pháp của bị cáo.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Lời khai của bị cáo Phạm Thị Mỹ L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Bị cáo nói dối mình làm làm việc tại Công ty Hoysung có khả năng xin việc làm cho những người có nhu cầu để các bị hại tin là bị cáo có khả năng xin được việc làm và đưa tiền cho bị cáo xin việc. Với thủ đoạn gian dối như trên bị cáo đã chiếm đoạt tiền của chín người bị hại trong thời gian từ ngày 30/10/2020 đến ngày 04/11/2020 với tổng số tiền là 23.000.000đồng. Mỗi lần nhận hồ sơ xin việc làm của các bị hại bị cáo chiếm đoạt từ 02 đến 03 triệu đồng. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là số tiền 23.000.000 đồng của bị cáo đối với các bị hại đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5] Từ ngày 30/10/2020 đến ngày 04/11/2020 bị cáo 06 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại, mỗi lần chiếm đoạt số tiền đều từ trên 02 triệu đồng trở lên. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở nên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quan điểm của người bào chữa cho rằng tuy bị cáo chiếm đoạt tài sản của nhiều người bị hại nhưng không phân biệt từng lần phạm tội khác nhau là không có căn cứ chấp nhận.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt:

[6] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Tuy bị cáo phạm tội lần đầu nhưng trong thời gian ngắn bị cáo liên tục thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của những người lao động, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, quan điểm của người bào chữa đề nghị cho bị cáo được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng, với độ tuổi của bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, mẹ chết sớm, thiếu sự quan tâm chăm sóc của bố, bị cáo phải lao động tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân. Nhưng bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại bị cáo sử dụng vào việc chơi game trên mạng xã hội và đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường cho bị hại nên mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và đã

xem xét đến hoàn cảnh, điều kiện phạm tội cũng như các điều luật áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

- Về vật chứng:

[9] Ba bộ hồ sơ xin việc của anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc Đ, chị Nguyễn Thị Q không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Đối với một điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám trắng, imei:352062064388147, trong có lắp 01 thẻ sim mạng Viettel số điện thoại 0386.232.097 trên thẻ sim có dòng số 8984048000076593797 là tài sản của bị cáo nhưng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với một điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng xám, imei :353322075607292 là tài sản của bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10] Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại hiện bị cáo chưa bồi thường, các bị hại có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho chị L, chị C, chị Q và anh H mỗi người 2.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đ, anh S, chị D, chị T và chị X mỗi người 3.000.000 đồng. Khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự thì bị cáo phải bồi thường bằng tài sản của mình nếu không đủ tài sản để bồi thường thì người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Phạm Trung K phải bồi thường phần còn lại bằng tài sản của ông K.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Mỹ L 12 tháng (Mười hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phạm Thị Mỹ L phải bồi thường cho chị Hoàng Thị L, chị Ngô Thị C, chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H mỗi người 2.000.000 đồng và bồi thường cho anh Hoàng Văn S, anh Nguyễn Quốc Đ, chị Đặng Thị D, chị Mai Thùy T và chị Nguyễn Thị X mỗi người 3.000.000 đồng. Trường hợp bị cáo không đủ tài sản để bồi thường thì người đại

diện hợp pháp của bị cáo là ông Phạm Trung K phải bồi thường phần còn tH cho những người bị hại.

Đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy ba bộ hồ sơ xin việc của anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc Đ, chị Nguyễn Thị Q; tịch thu nộp ngân sách nhà nước một điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám trắng, số imei: 352062064388147, trong có lắp 101 thẻ sim nhà mạng Viettel số điện thoại 0386.232.097 trên thẻ sim có dòng số 8984048000076593797; trả cho bị cáo một điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng xám, số imei: 353322075607292 nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo (Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Phạm Thị Mỹ L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Tổng cộng bị cáo phải nộp 350.000.000 đồng án phí.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng
- Phòng PV 06 và PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên

DANH SÁCH GỬI BẢO ĐẢM

Người gửi: Tòa án nhân dân huyện An Dương

Nội D: Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 06/2021/TB-TA ngày 16/7/2021

Người nhận:

1. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Phủ Niệm, xã Thái S, huyện A, thành phố Hải Phòng; sđt: 0362348936

2. Chị Đặng Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Tinh Thủy, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; SĐT: 0395695255

3. Chị Mai Thùy T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Thái Hưng, xã Đ Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; SĐT: 0868688293

4. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Thái Hưng, xã Đ Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; SĐT 0796468072

5. Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 3, xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; SĐT 0869061271.

6. Chị Ngô Thị C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Phủ Niệm, xã Thái S, huyện A, thành phố Hải Phòng; SĐT 0347680329

7. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Cụm 3, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; SĐT 0977144628

8. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Lộng Khê, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; SĐT 0971654239

9. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Đội 9, thôn Phong Nội, xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; SĐT 0344284231

10. Ông Phạm Trung K sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (ông K con cụ Nguyễn Thị Thìn)

11. Phạm Thị Mỹ L sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (con ông Phạm Trung K và cháu cụ Nguyễn Thị Thìn)

1. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1992; địa	2. Chị Đặng Thị D, sinh năm 1988; địa
--	---------------------------------------

chỉ: Thôn Phủ Niệm, xã Thái S, huyện A, thành phố Hải Phòng; sđt: 0362348936	chỉ: Thôn Tĩnh Thủy, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; SĐT: 0395695255
3.Chị Mai Thùy T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Thái Hưng, xã Đ Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; SĐT: 0868688293	4. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Thái Hưng, xã Đ Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; SĐT 0796468072
5.Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 3, xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; SĐT 0869061271.	6. Chị Ngô Thị C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Phủ Niệm, xã Thái S, huyện A, thành phố Hải Phòng; SĐT 0347680329
7.Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Cúm 3, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; SĐT 0977144628	8. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Lộng Khê, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; SĐT 0971654239
9. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Đội 9, thôn Phong Nội, xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; SĐT 0344284231	10. Ông Phạm Trung K sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (ông K con cụ Nguyễn Thị Thìn)
11. Phạm Thị Mỹ L sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (con ông Phạm Trung K và cháu cụ Nguyễn Thị Thìn)	